

Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 22/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Có quy định chi tiết kèm theo).

Điều 2.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012.

Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND ngày 05/5/2008 của HĐND tỉnh Thái Nguyên khóa XI, kỳ họp chuyên đề lần thứ 2.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- UBMTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XII;
- Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- BCĐ PC tham nhũng tỉnh, BCĐ GPMB tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Phòng nghiệp vụ thuộc VP;
- Các CV Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc



QUY ĐỊNH

Một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: *10* /2012/NQ-HĐND ngày *19* tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

I. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với kỳ họp của Hội đồng nhân dân (HĐND), hoạt động của Đại biểu HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND; các cá nhân, tổ chức, đơn vị khi được mời phục vụ, tham gia các hoạt động của HĐND và cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp các hoạt động của HĐND các cấp.

II. Định mức chi tiêu phục vụ hoạt động HĐND các cấp:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Chế độ, định mức chi tiêu tài chính		
			HĐND tỉnh	HĐND huyện, thành phố, thị xã	HĐND cấp xã
I	Chế độ chi các kỳ họp của Hội đồng nhân dân				
1	Chi tiền bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu phục vụ kỳ họp (<i>Tính cho những ngày thực tế đại biểu dự họp</i>)	Người/ngày			
	- Đại biểu HĐND		150.000	100.000	70.000
	- Đại biểu mời		100.000	70.000	50.000
2	Chi tiền bồi dưỡng cán bộ phục vụ kỳ họp.	Người/ngày			
	- CBCC văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND các cấp phục vụ kỳ họp.		100.000	70.000	50.000
	- Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, phóng viên báo đài, kỹ thuật viên, công an bảo vệ, trực điện, nước...		50.000	40.000	30.000
3	Chi tiền ăn trong những ngày diễn ra kỳ họp	Người/ngày	150.000	120.000	100.000
4	Tiền thuê phòng ngủ .	Thực hiện theo quy định của Nhà nước và do Văn phòng thanh toán .			
5	Chi bồi dưỡng chủ tọa kỳ họp	Người/ngày	200.000	150.000	100.000
6	Chi bồi dưỡng thư ký kỳ họp	Người/ngày	150.000	100.000	70.000

7	Chỉ cho tổ thảo luận. (Tổng hợp ý kiến thảo luận ở tổ; tập hợp thông tin giúp Chi toạ điều hành kỳ họp; trực tiếp nhận thông tin qua điện thoại - ngoài mức chi phục vụ kỳ họp).				
	- Tổ trưởng tổ thảo luận	Người/ngày	100.000	70.000	
	- Tổ phó tổ thảo luận, thu ký tổ thảo luận		70.000	50.000	
8	Chỉ soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tổ trình tại kỳ họp.	Báo cáo	500.000	300.000	200.000
9	Chỉ hoàn chỉnh biên bản kỳ họp	Biên bản	500.000	300.000	200.000
II	Chỉ cho hoạt động giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân				
1	Chỉ xây dựng Quyết định, kế hoạch, nội dung, đề cương giám sát.	Nội dung giám sát	500.000	300.000	200.000
2	Chỉ bồi dưỡng các thành viên tham gia đoàn giám sát và cán bộ phục vụ giám sát:	Người/buổi			
	- Trưởng đoàn		150.000	100.000	70.000
	- Đại biểu HĐND		120.000	80.000	60.000
	- Thành viên chính thức của đoàn giám sát (Theo giấy mời)		100.000	70.000	50.000
	- Cán bộ phục vụ		50.000	30.000	20.000
3	Chỉ soạn thảo báo cáo tổng hợp kết quả giám sát (hoặc thông báo kết quả giám sát)	Báo cáo	800.000	500.000	300.000
<i>Ghi chú: Đối với kinh phí chỉ cho hoạt động khảo sát của Hội đồng nhân dân được tính bằng 1/2 mức chi cho hoạt động giám sát.</i>					
III	Chỉ phục vụ công tác thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết				
1	Chỉ soạn thảo báo cáo tờ trình (Không phải là văn bản QPPL) của Thường trực HĐND trình kỳ họp, bài khai mạc, bế mạc, đề cương báo cáo kết quả kỳ họp.	Văn bản	300.000	200.000	100.000
2	Chỉ bồi dưỡng cho các thành viên dự Hội nghị thẩm tra của HĐND:	Người/buổi			
	- Chủ trì Hội nghị		150.000	100.000	
	- Đại biểu HĐND		120.000	80.000	
	- Các Đại biểu dự Hội nghị (theo giấy mời)		100.000	70.000	
	- Cán bộ phục vụ		50.000	30.000	
3	Chỉ thẩm tra báo cáo của các Ban trình tại kỳ họp.	Văn bản	500.000	300.000	
4	Chỉ cho việc rà soát kỹ thuật, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thông qua (Trừ các Nghị quyết về công tác tổ chức).	Nghị quyết	500.000	300.000	200.000

IV	Chi phục vụ các phiên họp do Đảng Đoàn HĐND tỉnh, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND triệu tập				
1	Chi bồi dưỡng cho các thành viên dự họp:	Người/buổi			
	- Chủ trì cuộc họp		150.000	100.000	
	- Các đại biểu dự họp (theo giấy mời)		100.000	70.000	
	- Cán bộ phục vụ		50.000	30.000	
2	Chi soạn thảo báo cáo, tờ trình, thông báo và các văn bản khác của Đảng Đoàn HĐND.	Văn bản	300.000		
V	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri				
1	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri:	điểm	1.000.000	700.000	500.000
2	Chi tiền bồi dưỡng cho thành phần tham gia tiếp xúc cử tri:	Người/buổi			
	- Đại biểu HĐND		150.000	100.000	70.000
	- Đại biểu mời (ngành, đoàn thể)		100.000	70.000	50.000
	- Cán bộ phục vụ		50.000	30.000	20.000
3	Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình tại kỳ họp.	Báo cáo	500.000	300.000	200.000
VI	Chi hỗ trợ hoạt động của các đoàn đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đoàn đại biểu HĐND có từ 5 đại biểu trở xuống				
		Đoàn/năm	5.000.000		
Ghi chú: Các đoàn đại biểu HĐND tỉnh có trên 5 đại biểu, cứ 01 đại biểu tăng thêm được tính hỗ trợ kinh phí hoạt động bằng 1 triệu đồng/người/năm.					
VII	Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh				
1	Chi cho tổ chức, cá nhân nhận dự án Luật để tham gia nghiên cứu có ý kiến bằng văn bản (Thường trực, Lãnh đạo các Ban chuyên trách...ký văn bản giao công việc và xác nhận kết quả nghiên cứu khi thanh toán.) Mức chi từ thể do Thường trực HĐND quyết định.				
	* Chi cho các tổ chức được giao dự án Luật nghiên cứu góp ý bằng văn bản	Văn bản	Từ 1.000.000 đến 2.500.000	Không có	Không có
	- Đối với các dự án Luật mới, luật sửa đổi: Mức chi				
	- Đối với các dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức chi (Chế độ trên không áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước).		Từ 500.000 đến 2.000.000		
* Chi cho cá nhân dự họp góp ý vào dự án luật ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự.	Văn bản	Tối đa 600.000			

2	Chi tiền bồi dưỡng người họp tham gia các dự án Luật, Pháp lệnh	Người/buổi		Không có	Không có
	- Người chủ trì		100.000		
	- Các đại biểu dự họp (theo giấy mời)		70.000		
	- Cán bộ phục vụ		50.000		
3	Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp các ý kiến tham gia vào các dự án luật, pháp lệnh mức chi tối đa.	Dự án	800.000	Không có	Không có
VIII	Chi tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân và giải quyết đơn thư				
1	Chế độ bồi dưỡng tiếp dân (Theo quy định hiện hành của tỉnh Thái Nguyên)				
	Chi bồi dưỡng tiếp dân				
	- Đại biểu HĐND	Người/buổi	150.000	100.000	50.000
	- CBCC phục vụ	Chi theo chế độ chung của tỉnh			
2	Chi viết báo cáo đề xuất, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo trình cấp có thẩm quyền (báo cáo này phải có điều tra nghiên cứu được Thường trực HĐND thông qua)	Báo cáo	500.000	300.000	200.000
IX	Các khoản chi thăm hỏi ốm đau, tang lễ.				
1	Đối với Đại biểu HĐND đương nhiệm.	Người/lần	500.000	300.000	200.000
	- Trường hợp ốm đau, phải điều trị tại bệnh viện				
	- Đại biểu đương nhiệm bị bệnh hiểm nghèo, đặc biệt khó khăn thì được trợ cấp không quá 02 lần/người				
	- Trường hợp tử trần (Tiền phúng viếng)		1.000.000	700.000	500.000
2	Đối với thân nhân là bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ hoặc chồng hoặc vợ, chồng, con của đại biểu HĐND đương nhiệm khi qua đời (Tiền phúng viếng)	Người/lần	500.000	300.000	200.000
3	Đối với Đại biểu nguyên là Lãnh đạo Thường trực HĐND, Lãnh đạo chuyên trách các Ban:	Người/lần	500.000	300.000	200.000
	- Trường hợp ốm đau, phải điều trị tại bệnh viện				
	- Trường hợp tử trần (Tiền phúng viếng)				
X	Chi cho công tác xã hội : Đối tượng được thăm hỏi, tặng quà là gia đình có công với cách mạng, bà mẹ VNAH, thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, cán bộ lão thành cách mạng, gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai và các tập thể thuộc diện chính sách xã hội... Một số trường hợp đặc biệt khác do Thường trực HĐND quyết định.				
	- Đối với tập thể	Đơn vị/lần	3.000.000	2.000.000	1.000.000
	- Đối với cá nhân	Người/lần	500.000	300.000	200.000
XI	Chế độ báo chí: Mỗi đại biểu HĐND được cấp Báo Đại biểu Nhân dân	Số/ngày	01	01	01

XII	Chi may trang phục cho một nhiệm kỳ				
	- Mỗi Đại biểu HĐND được cấp tiền may 02 bộ lễ phục	Bộ	3.000.000	2.000.000	1.500.000
	- CBCCC văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND được may 01 bộ lễ phục.	Bộ	3.000.000	2.000.000	1.500.000
<i>Ghi chú: Một Đại biểu được bầu ở hai cấp HĐND được cấp tiền may trang phục ở cả hai cấp.</i>					

III. Chi phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ cho Đại biểu HĐND kiêm nhiệm chức danh của HĐND các cấp:

1. Phụ cấp kiêm nhiệm

Đại biểu HĐND đang giữ chức vụ ở các cơ quan, đơn vị khác nếu kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, đứng đầu các cơ quan thuộc HĐND như: Chủ tịch HĐND các cấp, Trưởng ban của HĐND tỉnh thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng theo quy định tại Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ.

$$\text{Mức tiền phụ cấp kiêm nhiệm cho các chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.} = \text{Hệ số lương chức vụ hoặc hệ số lương chuyên môn, nghiệp vụ cộng với hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo và \% (quy theo hệ số) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng của người giữ chức danh lãnh đạo kiêm nhiệm} \times \text{Mức lương tối thiểu chung} \times 10\%$$

2. Mức hỗ trợ kiêm nhiệm: Đại biểu HĐND đang giữ chức vụ ở các cơ quan, đơn vị kiêm nhiệm các chức danh của HĐND các cấp được hỗ trợ kiêm nhiệm hàng tháng, tính theo hệ số lương tối thiểu như sau:

- Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh bằng: 0,5 mức lương tối thiểu.
- Trưởng ban của HĐND cấp huyện bằng: 0,4 mức lương tối thiểu
- Phó Trưởng ban của HĐND cấp huyện bằng: 0,3 mức lương tối thiểu.
- Trưởng đoàn đại biểu HĐND tỉnh bằng: 0,15 mức lương tối thiểu.
- Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND cấp huyện bằng: 0,1 mức lương tối thiểu.
- Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND cấp xã bằng: 0,07 mức lương tối thiểu.
- Phó đoàn đại biểu HĐND tỉnh, Tổ phó tổ đại biểu HĐND các cấp được hỗ trợ kiêm nhiệm hàng tháng bằng 60% so với mức hỗ trợ kiêm nhiệm của Trưởng đoàn đại biểu HĐND tỉnh, Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND cùng cấp.

3. Trường hợp Đại biểu HĐND đã nghỉ hưu: Đại biểu HĐND đã nghỉ hưu trong thời gian còn giữ chức danh Chủ tịch HĐND, Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban của HĐND các cấp thì được hưởng tiền phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ kiêm nhiệm bằng các mức quy định tại điểm 1, điểm 2, mục III.

4. Trách nhiệm chi trả phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ trách nhiệm

- Các cơ quan, đơn vị có cán bộ lãnh đạo kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, đứng đầu các cơ quan thuộc HĐND và chức danh Phó Trưởng ban của HĐND các cấp, có trách nhiệm chi trả tiền phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ kiêm nhiệm cùng với tiền lương hàng tháng từ nguồn kinh phí ngân sách thường xuyên của cơ quan, đơn vị đó và khoản chi này không được dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

- Đối với các Trưởng đoàn đại biểu HĐND tỉnh, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND các cấp, Phó Trưởng đoàn đại biểu HĐND tỉnh, Tổ phó tổ đại biểu HĐND các cấp: tiền hỗ trợ kiêm nhiệm do cơ quan Văn phòng cùng cấp chịu trách nhiệm trực tiếp chi trả hàng tháng từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND các cấp.

- Đại biểu HĐND đã nghỉ hưu, trong thời gian còn giữ chức danh Chủ tịch HĐND, Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban của HĐND thì tiền phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ kiêm nhiệm được chi trả hàng tháng từ nguồn kinh phí của HĐND các cấp.

IV. Một số nội dung chi khác

1. Các khoản chi tiêu phục vụ hoạt động của HĐND các cấp không có trong Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối với đại biểu HĐND, đại biểu mời và cán bộ công chức phục vụ tham gia các hoạt động của HĐND đã được hưởng tiền bồi dưỡng và tiền ăn thì sẽ không được hưởng phụ cấp lưu trú.

3. Đối với hội nghị tổng kết nhiệm kỳ, hội nghị giao ban với HĐND các cấp và các hoạt động đặc thù, do Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể.

4. Đối với hoạt động trao đổi công tác và học tập kinh nghiệm hoạt động của HĐND, của Thường trực HĐND, các Ban HĐND mức chi theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ đi công tác.

5. Các khoản chi phục vụ cho hoạt động của HĐND được thanh toán theo số ngày thực tế. Riêng chi bồi dưỡng tiếp công dân của HĐND cấp xã chỉ được thanh toán nếu có tổ chức hoạt động này.

V. Công tác lập dự toán, quản lý, thanh quyết toán

1. Việc chi tiêu kinh phí phục vụ HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc sử dụng phải đúng chế độ có hiệu quả; thực hiện tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Nguồn kinh phí cho hoạt động của HĐND cấp nào được ngân sách cấp đó đảm bảo và cân đối vào dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của HĐND cùng cấp.

3. Mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa, Thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã quyết định mức chi cho phù hợp, nhưng không vượt quá mức chi tại Quy định này.

Riêng năm 2012, HĐND các cấp sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách giao để thực hiện một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp theo Quy định này.

4. Hàng năm, Thường trực HĐND các cấp chỉ đạo cơ quan Văn phòng phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí hoạt động của HĐND cấp mình, báo cáo cơ quan có thẩm quyền đề trình HĐND cùng cấp quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

VI. Tổ chức thực hiện.

Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước và quy định về chế độ chi tiêu tài chính nêu ở trên, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Thường trực HĐND các cấp chịu trách nhiệm triển khai thực hiện và thực hiện theo đúng quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN